**GIT**

Tại sao sử dụng GIT:

Quản lý mã nguồn:

* Lưu trữ mã nguồn tập trung
* Chia sẽ mã nguồn giữa các bên
* Cộng tác giữa các thành viên trong nhóm phát triển
* Khôi phục mã nguồn về các phiên bản khác nhau
* Dễ dàng chỉnh sửa mã nguồn
* Tránh trùng lặp, xung đột mã nguồn

SCMs – Source Code Management System (Hệ thống quản lý mã nguồn)

Là một phần mềm hỗ trợ

* Khôi phục lại phiên bản cũ của các file
* Khôi phục lại phiên bản cũ của dự án
* Xem lại các thay đổi đã được thực hiện theo thời gian
* Xem ai là người thực hiện thay đổi cuối cùng có thể gây ra sự cố
* Khôi phục lại các file vô tình xoá mất

Các công cụ quản lý mã nguồn thông dụng

* Subversion
* Git
* Mercurial
* Bazaar
* CVS

So sánh Git & Github

|  |  |
| --- | --- |
| Git | Github |
| * Git là một hệ thống điều khiển phiên bản theo hình thức phân tán * Git được sử dụng để quản lý mã nguồn và ghi nhận các thay đổi | * Github là một dịch vụ được Git cung cấp miễn phí * Github có phiên bản trả phí dành cho doanh nghiệp |

Cách sử dụng Git

**Snapshot** là toàn bộ mã nguồn tại một thời điểm

**Commit** là cách để tạo ra snapshot. Một commit bao gồm các thông tin (Thay đổi ở các file so với trước, Một tham chiếu đến commit trước nó, có một mã băm đại diện)

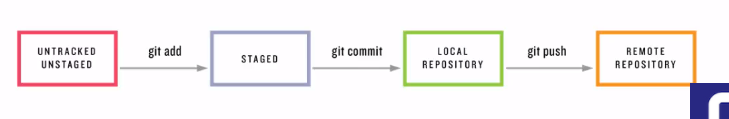
**Repository** viết tắt là repo: Là nơi chứa toàn bộ mã nguồn, bao gồm các file và lịch sử của các file đó. Repo chứa tất cả các commit. Có 2 loại repo là Local repository(ở trên máy LTV) và Remote repository (ở trên máy chủ chia sẻ)

**Clone** là sao chép một Remote Respository về máy của lập trình viên

**Push** là đẩy mã nguồn từ Local Repository lên Remote Repository

Các câu lệnh cơ bản:

* Git clone: Sao chép một repository
* Git init : Khởi tạo một repository
* Git add: Đưa các file vào vùng staged
* Git commit: Ghi nhận các thay đổi
* Git push: Đưa các thay đổi từ local repository lên remote repository



**HTML**

**HTML là gì?**

**HTML** (**viết tắt của từ** Hypertext Markup Language, hay là "Ngôn ngữ Đánh dấu Siêu văn bản") là một ngôn ngữ đánh dấu được thiết kế ra để tạo nên các trang web trên World Wide Web.

Cấu trúc của 1 HTML?

Cấu trúc cơ bản của trang HTML có dạng như sau, thường gồm 3 phần:

<!Doctype>: Phần khai báo chuẩn của html hay xhtml.

<head></head>: Phần khai báo ban đầu, khai báo về [meta](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_meta.php), [title](https://hocwebchuan.com/reference/tag/tag_title.php), [css](https://hocwebchuan.com/tutorial/tut_css.php), javascript…

<body></body>: Phần chứa nội dung của trang web, nơi hiển thị nội dung.

**Cấu trúc cơ bản**

<!DOCTYPE html>  
<html>  
<head>  
<title>Tiêu đề trang web</title>  
</head>  
  
<body>  
...Phần thân viết ở đây...  
</body>  
</html>

**Thẻ HTML**

Thẻ HTML là tên gọi của các phần tử, được sử dụng để tạo nên một tài liệu HTML. Hay nói cách khác, một trang web được tạo nên từ các thẻ HTML.

Thẻ HTML bao gồm tên thẻ được đặt trong 2 dấu ngoặc nhọn:

**<tên\_thẻ>Nội dung của thẻ</tên\_thẻ>**

**Ghi nhớ:**

* Các thẻ HTML thường bao gồm một cặp, chẳng hạn như <p> và  </p>
* Thẻ đầu tiên được gọi là **thẻ mở**, thẻ thứ hai được gọi là **thẻ đóng**.
* Thẻ đóng được viết như thẻ mở, nhưng có thêm một dấu xuyệc trái (/) đặt ở trước tên.

Một số thẻ cơ bản:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thẻ bắt đầu** | **Nội dung của thẻ** | **Thẻ kết thúc** |
| <h1> | My First Heading | </h1> |
| <p> | My first paragraph. | </p> |
| <br> |  |  |
| <hr> | Tạo đường kẻ ngang |  |

Vd:

***Thuộc tính của thẻ***

Thuộc tính cung cấp các thông tin bổ sung cho các thẻ HTML

* Các thẻ HTML có thể khai báo thêm các thuộc tính
* Các thuộc tính cung cấp thêm các thông tin cần thiết cho thẻ
* Thuộc tính luôn được viết trong thẻ mở
* Thuộc tính đi thành cặp thuộc\_tính/giá\_trị dạng: tên\_thuộc\_tính="giá\_trị"

##### **Thuộc tính title**

Thuộc tính title dùng để định nghĩa tiêu đề của một thành phần HTML. Khi duyệt web, bạn di chuột tới thành phần nào của trang, một tooltip sẽ xuất hiện nếu bạn có khai báo thuộc tính title, nội dung chính là giá trị khi khai báo.

##### **Thuộc tính href**

Thẻ <a> dùng để khai báo một liên kết trên trang web. Muốn khai báo địa chỉ đích của liên kết ta viết thêm thuộc tính href cho nó.

##### Thuộc tính về kích thước

Thuộc tính width và height dùng để khai báo kích thước của đối tượng, như của hình ảnh chẳng hạn.

* width: chiều rộng
* height: chiều cao

##### **Thuộc tính alt**

Thuộc tính alt dùng để khai báo một đoạn văn bản thay thể (alternative) khi vì lí do nào đó, một thành phần của HTML không được hiển thị lên trang web.

Thuộc tính này cũng được đọc bởi các chương trình đọc màn hình (screen reader), dành cho những người khiếm thị (chỉ nghe được).

***- Thẻ nào để chèn video, âm thanh?***

**Thẻ chèn video**: <video> </video>

<video width="320" height="240" controls>

<source src="https://www.w3schools.com/tags/movie.mp4" type="video/mp4">

Trình duyệt của bạn không hỗ trợ HTML5.

</video>

<video controls> <source src="../file/..."> </video>

**Thẻ chèn audio, âm thanh**: <video>

<audio controls>

<source src="https://www.w3schools.com/tags/horse.mp3" type="audio/mp3">

Trình duyệt của bạn không hỗ trợ HTML5

</audio>